

BẢNG KÊ CHI TIẾT
(Kèm theo Thông báo số: /TB-HKL ngày /02/2026
của Hạt Kiểm lâm khu vực Vĩnh Thạnh)

Số TT	Số quyết định	Tài sản tịch thu						Giá trị tài sản (đồng)	Đơn vị chủ trì quản lý tài
		Phương tiện	Lâm sản						
		Số lượng	Tên gỗ/ thực vật rừng ngoài gỗ	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng/ Trọng lượng	Chất lượng		
01	Quyết định số 14/QĐ-TT ngày 30/8/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Re gừng, nhóm IV	m ³	06 tấm	1,180	Bình thường	8.833.700	Hạt Kiểm lâm khu vực Vĩnh Thạnh
02	Quyết định số 15/QĐ-TT ngày 06/9/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Ké, nhóm V	m ³	17 tấm	0,800	Bình thường	2.943.000	
			Lim xẹt, nhóm V	m ³	02 tấm	0,115	Bình thường	517.500	
03	Quyết định số 16/QĐ-TT ngày 06/9/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Re gừng, nhóm IV	m ³	22 tấm	1,039	Bình thường	5.940.350	
04	Quyết định số 17/QĐ-TT ngày 03/10/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Sấu tía, nhóm VI	m ³	30 tấm, hộp	2,688	Bình thường	8.725.800	
			Sấu tía, nhóm VI	m ³	02 tấm	0,163	Bình thường	533.800	
			Bình linh, nhóm III	m ³	05 tấm, hộp	0,299	Bình thường	1.416.900	
			Bình linh, nhóm III	m ³	02 hộp	0,105	Bình thường	787.500	
05	Quyết định số 18/QĐ-TT ngày 09/10/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Xoay, nhóm III	m ³	02 tấm	0,296	Bình thường	2.220.000	
			Xoay, nhóm II	m ³	02 lóng	1,630	Bình thường	11.410.000	
06	Quyết định số 19/QĐ-TT ngày 16/10/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Bình linh, nhóm III	m ³	04 hộp	0,090	Bình thường	322.200	
		01 xe mô tô đã thay đổi kết cấu, độ chế lại, không nhãn hiệu, không gắn biển số, không có số khung số máy (bán phế liệu).						500.000	
		01 máy cưa xăng cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu ROMAN 5200, màu sơn đỏ, không có lam cưa và xích cưa.						300.000	

07	Quyết định số 20/QĐ-TT ngày 18/12/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	14 tấm	1,935	Bình thường	29.617.500
08	Quyết định số 21/QĐ-TT ngày 23/12/2024 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	12 tấm	2,700	Bình thường	48.600.000
09	Quyết định số 01/QĐ-TT ngày 03/01/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Xoan mộc, nhóm VI	m ³	03 tấm	0,484	Bình thường	2.468.400
10	Quyết định số 02/QĐ-TT ngày 08/01/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	02 tấm	0,200	Bình thường	3.132.000
		02 xe mô tô cũ, đã qua độ chế, không có nhãn hiệu không gắn biển số, không có số khung số máy (bán phế liệu).						1.000.000
		01 máy cửa xăng cũ đã qua sử dụng, màu sơn cam không có lam cửa và xích cửa.						300.000
11	Quyết định số 03/QĐ-TT ngày 08/01/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	03 tấm	0,313	Bình thường	4.063.500
		02 xe mô tô cũ, đã qua độ chế, không có nhãn hiệu không gắn biển số, không có số khung số máy (bán phế liệu)						1.000.000
12	Quyết định số 04/QĐ-TT ngày 13/01/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	8 tấm	0,782	Bình thường	10.995.000
13	Quyết định số 05/QĐ-TT ngày 18/3/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Lát lông, nhóm I	m ³	31 tấm	2,013	Bình thường	26.812.500
14	Quyết định số 06/QĐ-TT ngày 28/3/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Giỏi, nhóm III	m ³	08 tấm	0,713	Bình thường	7.789.500
			Re gờng, nhóm IV	m ³	06 tấm	0,664	Bình thường	3.404.400
15	Quyết định số 07/QĐ-TT ngày 05/5/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Ké, nhóm V	m ³	03 tấm	0,540	Bình thường	4.050.000
16	Quyết định số 08/QĐ-TT ngày 29/6/2025 của HKL Vĩnh Thạnh		Muồng cánh dán, nhóm V	m ³	22 thanh, khối trụ đa giác	2,905	Bình thường	12.533.500

17	Quyết định số 09/QĐ-TT ngày 22/7/2025 của HKL KV Vĩnh Thanh		Ké, nhóm V	m ³	07 tấm	0,971	Bình thường	7.132.500
18	Quyết định số 10/QĐ-TT ngày 15/8/2025 của HKL KV Vĩnh Thanh		Bình linh, nhóm III	m ³	11 tấm	0,407	Bình thường	1.791.800
		01 xe mô tô, xe cũ không có nhãn hiệu, đã qua độ chế, không gắn biển kiểm soát, số khung số máy bị mờ không xác định được, định giá phế liệu.						500.000
19	Quyết định số 11/QĐ-TT ngày 22/11/2025 của HKL KV Vĩnh Thanh		Săng lê, nhóm III	m ³	09 hộp	0,232	Bình thường	954.800
20	Quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 10/6/2025 của HKL Vĩnh Thanh		Cóc đá, nhóm V	m ³	03 tấm	0,686	Bình thường	5.488.000
21	Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 21/6/2025 của HKL Vĩnh Thanh		Bời lời, nhóm IV	m ³	02 lóng	0,184	Bình thường	423.200
			Re gừng, nhóm IV	m ³	01 lóng	0,089	Bình thường	453.900
			Thông nạng, nhóm IV	m ³	04 lóng	0,611	Bình thường	1.480.600
		01 máy cửa xăng, màu sơn đỏ, không có nhãn hiệu, lam cửa dài 60 cm, có xích cửa, máy cũ đã qua sử dụng.						300.000
		01 cái rửa, cũ đã qua sử dụng, cán làm bằng tre dài 21 cm, lưới bằng kim loại dài 22 cm, rộng 04 cm.						20.000
		01 xe mô tô, cũ đã qua độ chế, không có nhãn hiệu, không có số máy số khung, không gắn biển kiểm soát.						500.000
		01 cộ kéo, khung cộ làm bằng thanh gỗ có chiều dài 02 m, chiều rộng 70 cm, đặt trên trục làm bằng kim loại gắn lên 02 bánh lốp xe.						150.000
22	Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 18/8/2025 của HKL KV Vĩnh Thanh		Re gừng, nhóm IV	m ³	30 thanh, tấm	0,732	Bình thường	3.184.200
		01 xe mô tô cũ đã qua độ chế, thay đổi kết cấu, xe không gắn biển kiểm soát, không có số khung, số máy.						500.000
		01 máy cửa xăng, màu sơn trắng, nhãn hiệu STIHL MS381, lam cửa dài 80 cm, có gắn xích cửa, máy cũ đã qua sử dụng.						400.000
23	Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 11/9/2025 của HKL KV Vĩnh Thanh		Re gừng, nhóm IV	m ³	04 lóng	1,140	Bình thường	4.636.800
			Giỏi, nhóm III	m ³	02 lóng	0,276	Bình thường	2.541.000
			Re gừng, nhóm IV	m ³	235 thanh, tấm	1,796	Bình thường	7.708.150

